

Số: **117** /NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày **02** tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên
quan đến quy hoạch ngày 22 tháng 12 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc
hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 Quốc hội
về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy
hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập
và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính
phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 về sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm
2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính
phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc
hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về*

quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 2898/TTr-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chính như sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi quy hoạch bao gồm phạm vi ranh giới hành chính của tỉnh Tây Ninh; tổng diện tích tự nhiên 4.041,3 km², tại tọa độ địa lý từ 10⁰57'08" đến 11⁰46'36" vĩ độ Bắc và từ 105⁰48'43" đến 106⁰22'48" kinh độ Đông. Phía Đông giáp tỉnh Bình Dương và Bình Phước; Phía Nam giáp thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An; Phía Tây và Bắc giáp ba tỉnh Svayrieng, Prey veng và Tbong Khmum thuộc Vương quốc Cam-pu-chia.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm

Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với các chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước; bảo đảm thống nhất, đồng bộ hệ thống quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch vùng Đông Nam Bộ. Tranh thủ cơ hội, tận dụng ưu thế địa phương để chuyển thành động lực tăng trưởng và phát triển cho tỉnh và cả vùng. Tổ chức, bố trí không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội hợp lý để khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế vị trí cửa ngõ của Tây Ninh trong vùng Đông Nam Bộ.

Trên cơ sở đó, quan điểm phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Tây Ninh dựa trên 7 trụ cột:

Một là, tiếp cận cân bằng có trọng tâm giữa các yếu tố kinh tế - xã hội - môi trường, điều chỉnh bằng công cụ chính sách: Hướng đến phát triển bền vững thông qua kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với xây dựng văn hóa, ổn định xã hội và bảo vệ môi trường. Định hướng phát triển nhanh, bảo đảm hài hòa, cân đối giữa các vùng, miền, giữa thành thị và nông thôn, trong đó ưu tiên tập trung phát triển vùng động lực phía Nam và vùng trung tâm. Chú trọng bảo vệ môi

trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hai là, đặt tầm nhìn xa, lộ trình vừa sức và có tính linh hoạt cao: Hướng đến mục tiêu gia nhập nền kinh tế tri thức vào năm 2040. Tầm nhìn xa với mục tiêu cao cần vạch ra lộ trình thực tế, rõ ràng và vừa sức, dựa trên phân tích tính ưu tiên trong thực thi đồng thời thiết kế các chính sách mềm dẻo, có phương án thích nghi với các biến động của khu vực và thế giới.

Ba là, nâng cao năng lực, hiệu quả quản trị công, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Chính quyền kiến tạo, liêm chính, năng động, sáng tạo, hiệu lực, hiệu quả, tận tâm, tận lực phục vụ nhân dân và doanh nghiệp, tạo động lực, khai thác tối đa nguồn lực, tạo bước đột phá thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững. Chủ động, tích cực tham gia quá trình chuyển đổi số toàn diện, đồng bộ, xây dựng chính quyền điện tử góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, cải thiện, nâng cao thứ hạng các chỉ số PCI, PAPI, PAR Index và DTI.

Bốn là, xây dựng “Tây Ninh xanh”: Yếu tố xanh vừa là mục tiêu vừa là phương tiện phát triển của tỉnh. Từng bước chuẩn bị nguồn nhân lực, hạ tầng và chính sách để thực hiện quá trình thu hút vốn và công nghệ, chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Nhận diện và phát triển các cụm ngành sản phẩm mang tính chiến lược với trọng tâm là các khâu chế biến và dịch vụ có giá trị gia tăng cao gắn với việc làm ổn định cho người dân. Chủ động tận dụng cơ hội từ quá trình lan tỏa phát triển hạ tầng giao thông kết nối, phát triển công nghiệp, đô thị - thương mại - dịch vụ vùng Thành phố Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ.

Năm là, giảm lệ thuộc vào tài nguyên, phát triển thông qua hiệu suất: Ưu tiên đầu tư nguồn lực con người và công nghệ để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Sáu là, chủ động gia nhập thị trường: Tích cực xây dựng, định vị thương hiệu sản phẩm địa phương hướng đến đối tượng, thị trường mang lại giá trị gia tăng cao, tăng tỷ trọng đóng góp của ngành thương mại dịch vụ vào GRDP. Thay đổi tư duy từ sản xuất kinh doanh đơn thuần sang kinh tế tuần hoàn có giá trị gia tăng cao, khuyến khích người dân, doanh nghiệp áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ và quảng bá sản phẩm trên các kênh thương mại hiện đại và phi truyền thống như thương mại điện tử, khai thác hiệu quả thị trường xuất khẩu gắn với các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới.

Bảy là, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh quốc phòng; trong đó nhiệm vụ đảm bảo an ninh và chủ quyền lãnh thổ là điều kiện tiên quyết, phát triển kinh tế là trọng tâm. Chủ động nắm chắc tình hình không để bị động bất ngờ trong mọi tình huống, đặc biệt chú trọng ở các địa bàn chiến lược, khu vực biên giới. Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế để tạo môi trường thuận lợi cho hợp tác phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mục tiêu phát triển

2.1 Mục tiêu tổng quát

Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực và yếu tố con người để đưa Tây Ninh phát triển nhanh, toàn diện và bền vững. Công nghiệp và dịch vụ du lịch là động lực chủ yếu cho tăng trưởng gắn với phát triển không gian mới, đưa Tây Ninh trở thành một trong những trung tâm phát triển công nghiệp và dịch vụ du lịch của vùng Đông Nam Bộ và cả nước. Nông nghiệp phát triển theo hướng chuỗi giá trị, chất lượng, hiệu quả, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế để mở rộng thị trường, nâng cao hiệu suất và lợi nhuận thông qua đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa, số hóa và kinh tế tuần hoàn. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đô thị được đầu tư đồng bộ, hiện đại. Khoa học, công nghệ, kinh tế tri thức được phát huy, trở thành nhân tố chủ yếu đóng góp cho nâng cao chất lượng tăng trưởng; phát triển mạnh nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội toàn diện hướng đến thuộc nhóm tiên tiến của cả nước; đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của nhân dân được nâng lên; mở rộng hợp tác, hội nhập ngày càng sâu rộng với khu vực và quốc tế. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Đến năm 2030, Tây Ninh trở thành địa phương phát triển năng động, văn minh, có môi trường sống tốt, thích ứng tốt với biến đổi khí hậu, trở thành địa phương đáng đến và đáng sống.

2.2 Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt khoảng 9,5%/năm; Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 11%, công nghiệp – xây dựng chiếm khoảng 58%, dịch vụ chiếm 25% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 6%.

+ GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 210 triệu đồng (tương đương khoảng 7.700 USD).

+ Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt khoảng 10,5%/năm.

+ Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu từ 10%/năm trở lên.

- Về xã hội:

+ Có 55% trường mầm non, 65% trường tiểu học, 70% trường trung học cơ sở và 50% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

+ Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 80%, trong đó lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%.

+ Tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 0,5%.

+ Số bác sỹ/vận dân đạt 11 bác sỹ, số giường bệnh/vận dân đạt 32 giường bệnh.

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi) dưới 15%.

+ 100% số xã đạt nông thôn mới, 100% số huyện, thị xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về môi trường:

+ Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt trên 92%, trong đó thành thị 100%, nông thôn 80%.

+ Tỷ lệ che phủ rừng (đã loại trừ cây cao su) từ 16,4% trở lên.

+ Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom và xử lý đạt trên 95%

- Về đô thị và kết cấu hạ tầng:

+ Tỷ lệ đô thị hoá đạt khoảng 53%.

+ Hoàn thành công tác nâng loại đô thị thành phố Tây Ninh và các thị xã; hoàn thành phân loại các đô thị mới, các thị trấn (mở rộng) khi đủ điều kiện, tiêu chuẩn phân loại đô thị; phát triển các dự án đầu tư phát triển đô thị, khu đô thị, khu dân cư và nhà ở xã hội theo mục tiêu, định hướng, chương trình phát triển đô thị, nông thôn; quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng; chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, nhà ở xã hội.

+ Tổng diện tích sàn nhà ở khoảng 47,42 triệu m², diện tích nhà ở bình quân đầu người toàn tỉnh 33,0 m² sàn/người; phần đầu diện tích sàn nhà ở xã hội đạt khoảng 670 nghìn m², tương ứng khoảng 15.200 căn.

- Về đảm bảo quốc phòng, an ninh:

+ 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”, cơ sở vững mạnh toàn diện.

+ Xây dựng khu vực phòng thủ, nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống, xây dựng đường biên giới hòa bình, hợp tác và phát triển. Gắn phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh.

2.3 Tầm nhìn đến năm 2050

Tây Ninh trở thành một tỉnh kinh tế phát triển trên nền tảng công nghiệp sạch và nông nghiệp công nghệ cao, thương mại, dịch vụ và du lịch phát triển và là cửa ngõ thương mại quốc tế phía Nam của vùng Đông Nam Bộ và cả nước.

Là tỉnh có chính sách quản trị công hiệu quả, môi trường kinh doanh thân thiện, môi trường sống hấp dẫn dựa trên hệ sinh thái bền vững và đa dạng.

Chủ động gia nhập cách mạng công nghiệp 4.0 và trở thành tỉnh có chất lượng cuộc sống cao toàn diện về mọi mặt có sức cuốn hút người dân đến sống, làm việc.

2.4 Các đột phá chiến lược

Tập trung thực hiện 07 đột phá chiến lược: (1) Phát triển hạ tầng; (2) Phát triển nguồn nhân lực; (3) Đột phá về thể chế; (4) Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ; (5) Phát triển bền vững: Tây Ninh xanh; (6) Phát triển du lịch; (7) Phát triển kinh tế dịch vụ.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC QUAN TRỌNG

1. Công nghiệp

Tập trung phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với công nghệ thông minh, thân thiện với môi trường, ít phát thải, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai và ít thâm hụt lao động. Nâng cao hiệu quả hoạt động các khu công nghiệp hiện có; thành lập mới, mở rộng thêm các khu công nghiệp ở những nơi có điều kiện. Điều chỉnh quy hoạch khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài theo mô hình công nghiệp - đô thị - dịch vụ, phát triển xanh và bền vững, tạo lợi thế cạnh tranh để thu hút mạnh đầu tư trong và ngoài nước.

Định hướng phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu như sau:

- Dệt, sản xuất sợi vải, nguyên phụ liệu dệt may: Đáp ứng nhu cầu và trở thành một khâu quan trọng trong chuỗi giá trị sản phẩm dệt may của địa phương. Đây mạnh thu hút đầu tư, nhất là các doanh nghiệp trong nước, khuyến khích các doanh nghiệp hiện nay đang sản xuất may trang phục trước đây chủ yếu nhập nguyên liệu, nay chuyển sang đầu tư công nghiệp dệt, để chủ động được nguồn nguyên liệu, tránh rủi ro, phụ thuộc trong sản xuất và đáp ứng các yêu cầu xuất khẩu sản phẩm vào các thị trường tiềm năng như Liên minh châu Âu (EU), các nước tham gia Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

- Sản xuất, chế biến cao su và plastic: Nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm cao su. Tập trung chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm phục vụ cả thị trường trong nước và xuất khẩu. Thu hút các dự án sản xuất các sản phẩm sau cao su, như xăm, lốp xe, chi tiết thiết bị, cao su kỹ thuật...

- Sản xuất, chế biến thực phẩm: Đây mạnh phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm rau củ, trái cây, sản phẩm chăn nuôi và lâm sản. Ưu tiên các dự án sản xuất sản phẩm chế biến rau củ, trái cây, thực phẩm theo hướng đặc sản, bảo đảm tiêu chuẩn quốc tế về an toàn thực phẩm, hướng đến xuất khẩu.

- May mặc - da giày: Chuyển dịch mạnh từ gia công sang các phân khúc có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị như thiết kế, sản xuất nguyên phụ liệu, kết hợp với sản phẩm đã có năng lực cạnh tranh tốt trên địa bàn như dệt và chế biến da, tạo ra chuỗi giá trị gia tăng cao.

- Sản xuất, chế biến mía đường và khoai mì, tập trung đầu tư chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, xuất khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

- Cơ khí, điện tử, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp công nghệ cao: Đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp, như máy nông nghiệp (dựa trên lợi thế về nông nghiệp có khả năng cơ giới hóa cao), cơ khí chế tạo, thiết bị điện, điện tử...

- Năng lượng tái tạo: khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện sinh khối...) gắn phát triển năng lượng tái tạo nói chung, năng lượng mặt trời nói riêng với các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường; ưu tiên sử dụng công nghệ hiện đại; kết hợp chính sách ưu đãi, hỗ trợ với cơ chế thị trường và xây dựng hạ tầng truyền tải để đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu thụ, đưa Tây Ninh thành trung tâm năng lượng tái tạo lớn của quốc gia.

2. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

- Trồng trọt: Phát triển theo hướng tập trung, quy mô lớn, gắn sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản theo chuỗi giá trị; đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ, ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt ứng dụng công nghệ cao trong tất cả các khâu, công đoạn từ giống, trồng trọt, thu hoạch, bảo quản, chế biến... gắn với hệ thống quản lý chất lượng hiệu quả, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và phát triển thương hiệu sản phẩm. Tăng cường liên kết vùng, liên kết ngành trong đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh; đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế với các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường nhằm tháo gỡ các rào cản thương mại, thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu.

- Chăn nuôi: Phát huy tiềm năng, lợi thế các vùng sinh thái để phát triển chăn nuôi toàn diện, hiệu quả, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng, bảo đảm an toàn sinh học, dịch bệnh, môi trường, an toàn thực phẩm. Hình thành các vùng chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã... đầu tư vào chăn nuôi gắn với chế biến và ứng dụng công nghệ cao, nhằm tạo ra các sản phẩm đạt tiêu chuẩn trong nước quốc tế, đáp ứng thị trường xuất khẩu.

- Lâm nghiệp: Tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, gia tăng tỷ lệ độ che phủ rừng. Phát triển, nâng cao giá trị, hiệu quả kinh tế rừng sản xuất, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa bảo vệ và phát triển rừng với khai thác hợp lý, hiệu quả các loại hình du lịch, dịch vụ dưới tán rừng, thuê môi trường rừng theo quy định.

- Thủy sản: Khai thác, phát triển hình thức, mô hình nuôi trồng thủy sản ở những nơi có điều kiện, phù hợp gắn với nuôi trồng thủy sản với chế biến và xây dựng thương hiệu, thị trường tiêu thụ. Tiếp tục phát triển nuôi trồng thủy sản tại các địa phương có điều kiện, phù hợp theo định hướng của ngành nông nghiệp.

3. Thương mại, dịch vụ và du lịch

- Thương mại: Đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ theo hướng đa dạng, chất lượng, hiệu quả, chủ động thúc đẩy thương mại đối ngoại với các tỉnh Campuchia giáp biên và thúc đẩy thương mại vùng Đông Nam Bộ, đặc biệt với Thành phố Hồ Chí Minh gắn cơ chế điều tiết quy hoạch sản xuất và thu hút phát triển thương mại; mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu cho từng mặt hàng gắn với thu hút đầu tư phát triển các hệ thống thương mại, siêu thị hiện đại đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, bình ổn thị trường; khai thác hiệu quả và hiện đại hóa hệ thống hạ tầng thương mại tại các cửa khẩu phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; chú trọng phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực thương mại; phát triển các giải pháp vận tải và dịch vụ logistics đa phương thức phục vụ phát triển thương mại.

- Dịch vụ logistics: Phát triển logistics trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng, đưa Tây Ninh trở thành một trong những trung tâm trung chuyển hàng hóa, vận tải, kho bãi, logistics, thương mại của vùng Đông Nam Bộ. Tập trung phát triển trung tâm dịch vụ logistics tại Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, Khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát, cảng Hưng Thuận và cảng Thanh Phước.

- Du lịch: Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế du lịch của tỉnh, tiếp tục đẩy mạnh đầu tư phát triển đồng bộ các dự án thuộc Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen, các dự án thương mại - dịch vụ - du lịch trong khu vực Hồ Dầu Tiếng, khu Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Trung ương Cục miền Nam, khai thác các loại hình du lịch, dịch vụ phù hợp khu vực Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát, nghiên cứu định hướng phát triển các loại hình du lịch ven sông, các điểm đến du lịch văn hóa, lịch sử, tôn giáo, các khu di tích cách mạng trên địa bàn toàn tỉnh... Phát triển đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm du lịch (lịch sử, truyền thống, văn hóa, tâm linh, sinh thái...) gắn với thương mại và dịch vụ đô thị, vui chơi giải trí thu hút khách, kích cầu du lịch. Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng phù hợp với định hướng, lộ trình phát triển cho các khu vực du lịch, nâng cao chất lượng giao thông kết nối, khuyến khích đầu tư phát triển hạ tầng lưu trú, sân golf và các dịch vụ phụ trợ chất lượng cao phục vụ du lịch.

4. Các ngành, lĩnh vực khác

4.1 Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp

Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, phát triển giáo dục tiên tiến gắn với đặc điểm văn hóa của địa phương đảm bảo sự phát triển toàn diện hệ thống giáo dục ở đầy đủ các cấp học. Mạng lưới trường, lớp từng bước được đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất trường học, đáp ứng và phù hợp với nhu cầu học tập, đảm bảo cơ hội tiếp cận giáo dục cơ bản cho mọi đối tượng. Phát triển giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Huy động tối đa các nguồn lực tham gia xã hội hóa giáo dục, tăng cường mô hình liên kết nâng cao chất lượng, loại hình và quy mô đào tạo. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục các cấp học.

Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, phân luồng trong giáo dục gắn với nhu cầu của xã hội.

Phát triển lực lượng lao động đáp ứng xu hướng chuyển dịch kinh tế chung. Tăng tỷ trọng lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ nhưng vẫn đảm bảo tính hài hòa về cơ cấu và cân đối nhân lực theo ngành, lĩnh vực. Thu hút sự tham gia của cộng đồng xã hội trong phát triển nguồn nhân lực.

4.2 Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại và bền vững, trong đó gắn y tế chuyên khoa, chuyên sâu với y tế phổ cập; kết hợp hài hòa giữa phòng bệnh với khám chữa bệnh - phục hồi chức năng, giữa y học cổ truyền với y học hiện đại nhằm phục vụ hiệu quả chăm sóc sức khỏe nhân dân. Xây dựng hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật đồng bộ, công nghệ hiện đại, đủ năng lực dự báo, kiểm soát các bệnh lây nhiễm, không lây nhiễm và các bệnh liên quan đến môi trường sống.

Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập, cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao, áp dụng thiết bị công nghệ khám, chữa bệnh hiện đại, được bố trí tại các khu vực tập trung đông dân cư, khu đô thị mới, cạnh các khu công nghiệp. Đảm bảo số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ y tế; thu hút nhân lực y tế có trình độ chuyên môn cao công tác lâu dài tại địa phương.

4.3 Văn hóa, thể thao

Đầu tư xây dựng đồng bộ và nâng cao chất lượng hoạt động hệ thống các thiết chế văn hoá, ưu tiên tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hoá; xây dựng con người và môi trường văn hoá lành mạnh. Hoàn thiện các chính sách xã hội hoá các dự án đầu tư xây dựng để thu hút các nhà đầu tư trong lĩnh vực văn hoá kết hợp với phát triển du lịch. Tiếp tục thực hiện và nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Củng cố, hoàn thiện và đồng bộ cơ sở vật chất, hệ thống thiết chế về quản lý các mô hình thể dục, thể thao quần chúng. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực thể dục, thể thao. Khuyến khích thực hiện xã hội hoá đối với các hoạt động thể dục, thể thao.

4.4 Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng vai trò chiến lược và là động lực thúc đẩy tăng trưởng các ngành trọng điểm, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng hiệu quả, sức cạnh tranh của tỉnh và các doanh nghiệp trên địa bàn. Phát triển khoa học công nghệ có trọng tâm, ưu tiên cho các lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, phục vụ các nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh. Chủ động tiếp cận những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến trên thế giới, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có năng lực, kỹ năng và trình độ về công nghệ trong một số lĩnh vực có lợi thế phát triển bền vững của tỉnh.

4.5 An sinh xã hội

Huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện đầy đủ và có hiệu quả các chính sách giảm nghèo, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, người có công và thân nhân, phòng chống tệ nạn xã hội, đảm bảo an sinh xã hội và phúc lợi xã hội.

4.6 Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng, củng cố khu vực phòng thủ quốc phòng, an ninh vững chắc, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Nắm chắc và dự báo đúng tình hình, kịp thời phát hiện, xử lý có hiệu quả các tình huống về quốc phòng, an ninh trong nội địa và trên tuyến biên giới, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Chủ động, tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế.

IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

Tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội theo “3 vùng phát triển, 4 trục động lực, 1 vành đai an sinh xã hội”, trong đó:

- Vùng 1: Gồm thị xã Trảng Bàng, huyện Gò Dầu và một phần phía Nam huyện Dương Minh Châu, là vùng phát triển công nghiệp, đô thị dịch vụ có tính lan tỏa kết nối với hồ Dầu Tiếng, và nông nghiệp công nghệ cao. Trong đó, tâm phát triển của vùng 1 là tam giác Trảng Bàng - Phước Đông - Gò Dầu.

- Vùng 2: Gồm thành phố Tây Ninh, thị xã Hòa Thành, vùng phía Tây huyện Dương Minh Châu và một phần phía Đông huyện Châu Thành. Vùng 2 là trung tâm hành chính, văn hóa, giáo dục, y tế, du lịch, lấy dịch vụ làm chủ đạo, tiếp đến là công nghiệp hỗ trợ và chế biến, nông nghiệp công nghệ cao.

- Vùng 3: Gồm huyện Tân Biên, huyện Tân Châu, phía Tây huyện Châu Thành và phía Bắc huyện Bến Cầu. Đây là vùng phát triển nông nghiệp, từng bước phát triển dịch vụ hướng an sinh xã hội và du lịch sinh thái ở các khu vực Lò Gò - Xa Mát, rừng Hòa Hội, sông Vàm Cỏ Đông.

- Trục số 1: Gắn với Cao tốc Gò Dầu - Xa Mát và Quốc lộ 22; 22B, là hành lang phát triển Bắc Nam chính của tỉnh Tây Ninh.

- Trục số 2: Gắn với tuyến đường N2 và Quốc lộ 22, là hành lang kết nối liên vùng với tỉnh Bình Dương và Vương quốc Cam-pu-chia theo hướng Đông Tây cho vùng phía Nam, kết nối với Quốc lộ 13, Quốc lộ 14 tới sân bay Long Thành.

- Trục số 3: Gắn với tuyến Đất Sét - Bến Củi - Bến Cầu là tuyến vành đai trung chuyển hàng hóa giữa Khu công nghiệp Bến Củi, Thạnh Đức, Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài đi Cam-pu-chia, kết nối với thành phố Hồ Chí Minh thông qua các nút giao với đường cao tốc CT31, CT32 và kết nối về phía Đông đi Bình Dương và Tây Nguyên.

- Trục số 4: Gắn với đường tỉnh 781, là hành lang kết nối liên vùng với tỉnh Bình Dương và Vương quốc Cam-pu-chia theo hướng Đông Tây cho vùng trung tâm.

- Vành đai an sinh xã hội: Gắn với cao tốc dọc biên giới, kết nối liên vùng với Đồng bằng sông Cửu Long qua Long An và Tây Nguyên qua Bình Phước, là hành lang hỗ trợ an ninh quốc phòng và an sinh cho vùng phía Bắc.

V. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, KHU VỰC NÔNG THÔN VÀ KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

Đến năm 2030: Khi đủ điều kiện, tiêu chuẩn, phân đầu phân loại 16 đô thị, gồm:

- 01 đô thị loại II: Thành phố Tây Ninh (định hướng quy hoạch, tiếp tục phân đầu đầu tư xây dựng hoàn thiện đạt cơ bản các tiêu chí của đô thị loại I);
- 03 đô thị loại III: Trảng Bàng, Hòa Thành, Gò Dầu (gồm Phước Đông);
- 05 đô thị loại IV: Tân Châu, Tân Biên, Châu Thành, 02 đô thị mới Bến Cầu, Dương Minh Châu (gồm Bàu Nặng);
- 07 đô thị mới loại V: Tân Lập, Mỏ Công, Trà Vong thuộc huyện Tân Biên; Tân Đông, Tân Hưng thuộc huyện Tân Châu và Thái Bình, Thanh Điền thuộc huyện Châu Thành.

2. Phương án phát triển khu vực nông thôn.

Phát triển nông thôn trên cơ sở duy trì sự ổn định của hệ thống dân cư hiện hữu, củng cố kinh tế nông thôn, sản xuất nông nghiệp, du lịch cộng đồng, làng nghề khu vực nông thôn, cải thiện thu nhập, giảm nghèo, cải thiện chất lượng nhà ở và cuộc sống của người dân, nhất là các xã vùng sâu vùng xa, khu vực biên giới, khu vực đặc biệt khó khăn. Trong quá trình phát triển cần cân bằng giữa nhu cầu phát triển kinh tế xã hội với việc bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái nông thôn, tôn tạo và phát huy giá trị và bản sắc cộng đồng, làng nghề truyền thống, kiến trúc cảnh quan địa phương.

3. Phương án phát triển các khu chức năng.

3.1 Khu công nghiệp

Định hướng bố trí, phát triển các khu công nghiệp phân bố chủ yếu theo các trục: QL22, 22B, cao tốc Mộc Bài - Hồ Chí Minh, Đường Hồ Chí Minh, các trục ĐT.784, 789, 782 - hướng kết nối với Trung tâm kinh tế của Vùng là Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và kết nối Bình Dương - Tây Ninh - Long An, nằm trong vùng động lực kinh tế của tỉnh tại Trảng Bàng, Gò Dầu và Dương Minh Châu có điều kiện về quỹ đất, thuận lợi cho việc kết nối các hạ tầng; đồng thời, đây cũng là những khu vực thuận lợi cho việc thu hút lao động và đặc biệt là thuận lợi về kết nối thị trường, kết nối với các cảng hàng không, cảng biển lớn tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng diện tích khu công nghiệp đến 2030 là 12.050 ha. Lộ

trình phát triển các khu công nghiệp đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật về khu công nghiệp và chỉ tiêu sử dụng đất được quốc gia phân bổ.

3.2 Khu kinh tế

Tiếp tục phát triển khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài và khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát theo định hướng và động lực mới, tạo đột phá góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương và góp phần vào sự phát triển chung của vùng Đông Nam Bộ.

Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài trở thành vùng động lực mới, cực tăng trưởng phát triển kinh tế có tầm cạnh tranh với khu vực và quốc tế; là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực với các chức năng công nghiệp - đô thị - thương mại - dịch vụ - du lịch và nông - lâm nghiệp; là đầu mối giao thương quan trọng của vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, giữa Việt Nam với Campuchia và khu vực ASEAN; là trung tâm dịch vụ cửa khẩu, cảng trung chuyển container quốc tế và dịch vụ logistics; trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ biên giới đất liền vùng Đông Nam Bộ; phát triển Khu kinh tế theo hướng công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, đô thị xanh - sạch, thông minh, bền vững, có bản sắc dân tộc trong hội nhập, kết nối quốc tế, gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh.

Phát triển khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát theo hướng phát triển các dịch vụ cửa khẩu, kho bãi, logistics, tận dụng được quỹ đất đã bồi thường giải tỏa để kêu gọi thu hút các dự án đầu tư. Tạo điều kiện, hỗ trợ cho các doanh nghiệp hiện hữu đang hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn khu kinh tế cửa khẩu.

3.3 Cụm công nghiệp

Phát triển các cụm công nghiệp theo hướng tổng hợp đa ngành, chủ yếu là công nghiệp chế biến, chế tạo, các ngành sản xuất sạch, ít gây ô nhiễm môi trường như: Cơ khí chế tạo, cơ khí lắp ráp; thiết bị điện, điện tử; dệt may và sản xuất nguyên phụ liệu, giày dép; chế biến nông sản thực phẩm và hàng tiêu dùng; thiết bị dụng cụ y tế; xử lý chất thải; công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp. Đến năm 2030, tỉnh có 10 cụm công nghiệp với diện tích 583,18 ha.

3.4 Các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Phát triển 20 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các huyện Tân Châu, Dương Minh Châu, Tân Biên, Gò Dầu, Châu Thành, và Thị xã Trảng Bàng.

Phát triển các vùng sản xuất tập trung bao gồm: (1) Vùng sản xuất lúa tập trung, chất lượng cao; (2) Vùng chuyên canh sản xuất rau an toàn, hữu cơ; (3) Vùng chuyên canh cây ăn trái chất lượng cao, hữu cơ; (4) Vùng sản xuất cây công nghiệp; (5) Vùng sản xuất chăn nuôi tập trung.

Trong giai đoạn thực hiện, tổ chức rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung về vị trí, quy mô hàng năm phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương; công nhận sớm các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt điều kiện sớm hơn dự kiến.

3.5 Khu du lịch

Tiếp tục tập trung đầu tư phát triển các dự án thuộc Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trở thành khu du lịch đặc sắc, đẳng cấp, mang tầm quốc gia và quốc tế.

Khai thác đa mục tiêu hồ Dầu Tiếng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung, du lịch nói riêng. Trong đó, tập trung xem xét điều chỉnh, tạo điều kiện thúc đẩy triển khai nhanh các dự án thương mại - dịch vụ - du lịch đã chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời nghiên cứu phát triển đa dạng hóa các loại hình du lịch, thương mại, dịch vụ những nơi phù hợp tại khu vực hồ Dầu Tiếng.

Gắn kết khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Trung ương Cục miền Nam với các dự án du lịch sinh thái thuộc Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát thành chuỗi du lịch đặc sắc hấp dẫn.

Phát triển du lịch sinh thái, vui chơi giải trí, kết hợp với du lịch đường sông dọc hành lang sông Vàm Cỏ Đông và sông Sài Gòn tạo sự đa dạng, phong phú về loại hình du lịch địa phương.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG

1. Hạ tầng kỹ thuật

1.1 Hạ tầng giao thông vận tải

a) Phương án phát triển hạ tầng giao thông quốc gia

- Các tuyến quốc lộ, cao tốc, đường sắt, đường thủy: thực hiện theo quy hoạch quốc gia. Tập trung huy động nguồn lực đầu tư hoàn thành tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài và tuyến cao tốc Gò Dầu - Xa Mát.

- Sân bay: Quy hoạch 01 sân bay với quy mô khoảng 350ha đến 500ha trên địa bàn huyện Dương Minh Châu.

b) Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh

- Đường bộ: Tăng cường kết nối hướng Đông-Tây với Bình Dương, Bình Phước, Long An và kết nối phía Nam với Thành phố Hồ Chí Minh, hình thành trục giao thông hàng hóa kết nối các khu công nghiệp nội tỉnh, các khu đô thị được quy hoạch, tách biệt với giao thông đô thị. Quy hoạch mạng lưới đường tỉnh gồm 49 tuyến đường có tổng chiều dài khoảng 1.150km, chiếm tỷ lệ khoảng 13,8% tổng chiều dài trên địa bàn. Các tuyến đường đô thị, đường huyện, đường xã thực hiện theo quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng vùng liên huyện.

- Đường thủy nội địa: Ngoài kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa do Trung ương phê duyệt và quản lý, quy hoạch phát triển các tuyến đường thủy nội địa trên các tuyến rạch, hồ có thể khai thác vận tải thủy trên địa bàn tỉnh Tây Ninh bao gồm: Rạch Trảng Bàng, Rạch Tây Ninh, Rạch Bảo, Rạch Bến Đá. Tận dụng diện tích mặt nước 02 hồ lớn (Hồ Dầu Tiếng và Hồ chứa nước Tha La) để quy hoạch các luồng đường thủy nội địa địa phương và luồng quốc gia phục vụ vận tải hàng hóa, hành khách kết nối Tây Ninh với Bình Dương, Bình Phước.

- Cảng đường thủy nội địa: Trên tuyến sông Vàm Cỏ Đông, duy trì hoạt động và nâng cấp 04 cảng đang khai thác và quy hoạch thêm 12 cảng; trên tuyến sông Sài Gòn quy hoạch 05 cảng.

- Bến xe: Đầu tư xây dựng bến xe Tây Ninh quy mô loại 1, đưa vào khai thác trước năm 2025, thay thế bến xe Tây Ninh và bến xe Hoà Thành hiện hữu. Duy trì hoạt động của 05 bến xe hiện hữu tại huyện Tân Biên, huyện Tân Châu, huyện Châu Thành và huyện Bến Cầu. Quy hoạch mới 07 bến xe tại thị xã Trảng Bàng, huyện Gò Dầu, huyện Dương Minh Châu, huyện Tân Châu, huyện Châu Thành, huyện Tân Biên và huyện Bến Cầu.

- Cảng cạn và trung tâm logistics: Phát triển 04 trung tâm logistics tại cửa khẩu Mộc Bài, cửa khẩu Xa Mát, xã Hưng Thuận - Thị xã Trảng Bàng và xã Thanh Phước - huyện Gò Dầu; Phát triển 05 cảng cạn tại các cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát, Chàng Riệc và trên sông Vàm Cỏ Đông (tại xã Thanh Phước - huyện Gò Dầu) và sông Sài Gòn (tại xã Hưng Thuận - Thị xã Trảng Bàng).

1.2 Hạ tầng cấp điện

Phát triển đồng bộ nguồn và lưới điện trên cơ sở các nguồn lực và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện đầu tư cân đối giữa phát triển nguồn điện và nhu cầu điện giữa các vùng trên cơ sở sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng sơ cấp của mỗi vùng. Tập trung phát triển năng lượng mặt trời tại khu vực đất bán ngập xung quanh hồ Dầu Tiếng.

Đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo hệ thống lưới điện và trạm biến áp 500kV, 220kV, 110kV và đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải từ phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị. Từng bước xây dựng lưới điện thông minh; nâng cao chất lượng điện năng và độ tin cậy cung cấp điện để cung cấp dịch vụ điện với chất lượng ngày càng cao.

1.3 Hạ tầng thủy lợi

- Phát triển hạ tầng thủy lợi đồng bộ phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng nâng cao giá trị sản xuất và phát triển bền vững. Tăng diện tích tưới, bảo đảm tiêu, thoát nước và chống ngập cho diện tích đất nông nghiệp và khu vực đô thị; Đảm bảo dòng chảy tối thiểu để tham gia đầy mặn, xử lý ô nhiễm trên sông Sài Gòn và Vàm Cỏ Đông. Nâng cao mức bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai, bão, lũ, ngập lụt, hạn hán, thiếu nước; chủ động phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra để giảm thiểu tổn thất, bảo vệ an toàn cho dân cư, sản xuất nông nghiệp và cơ sở hạ tầng.

- Tập trung hoàn thành dự án tưới - tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông (giai đoạn 2); nâng cấp, sửa chữa các công trình có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp đảm bảo năng lực toàn hệ thống. Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm sử dụng nguồn nước ngầm ở các khu vực cách xa nguồn nước.

1.4 Hạ tầng cấp, thoát nước và xử lý nước thải

a) Hạ tầng cấp nước

- Nguồn cấp nước: Tập trung khai thác nguồn nước mặt từ hồ chứa nước Dầu Tiếng. Đối với khu vực phía Bắc của tỉnh, vùng khó khăn nguồn nước mặt, sẽ khai thác sử dụng nguồn nước mặt kết hợp với nguồn nước ngầm.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt và sản xuất công nghiệp: Tiếp tục sử dụng các hệ thống cấp nước hiện có để cấp nước theo mô hình hệ thống cấp nước kết hợp giữa phân tán và tập trung. Xây dựng mới hoặc mở rộng thêm công suất một số nhà máy tại khu/cụm công nghiệp, cửa khẩu, và điểm dân cư ở vị trí thuận lợi về nguồn nước khai thác có khả năng phát triển cho giai đoạn tiếp theo. Tổng công suất cấp nước đến năm 2030 khoảng 585.000 m³/ngày đêm.

- Hệ thống cấp nước nông thôn: Duy trì, cải tạo các công trình cấp nước phân tán đạt tổng công suất thiết kế. Đầu tư bổ sung 02 công trình cấp nước sinh hoạt liên xã.

b) Hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải

Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại các khu đô thị, thị xã, thị trấn và khu dân cư tập trung; các cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Tổng công suất xử lý đến năm 2030 đạt khoảng 439.000 m³/ngày đêm.

1.5 Hạ tầng xử lý chất thải

Quy hoạch 8 cơ sở xử lý chất thải rắn, tổng công suất khoảng 2.750 - 3.400 tấn/ngày; công suất xử lý chất thải rắn nguy hại khoảng 945 tấn/ngày, đảm bảo xử lý triệt để lượng chất thải rắn trên địa bàn tỉnh và một phần ngoài tỉnh.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt, áp dụng công nghệ xử lý tăng cường khả năng tái chế, thu hồi chất thải ở các khu xử lý tập trung, kết hợp áp dụng công nghệ tái chế chất thải hữu cơ sinh hoạt và từ hoạt động nông nghiệp tại các địa phương phát triển mạnh về nông nghiệp làm giảm gánh nặng cho hệ thống thu gom. Đối với chất thải rắn công nghiệp, ưu tiên tái chế, sau đó chất thải không thể tái chế, chất thải nguy hại được xử lý bằng phương pháp đốt thu hồi năng lượng, tro xỉ đem chôn lấp hợp vệ sinh.

1.6 Mạng lưới viễn thông

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động kinh doanh, tối ưu đường thư và phương tiện vận chuyển; Phát triển hạ tầng số toàn diện bao gồm hạ tầng băng thông rộng và các nền tảng như IoT, AI, Big Data, an ninh mạng, định danh số và thanh toán điện tử; Phát triển nâng cao chất lượng và độ phủ sóng mạng 4G, 5G; Hoàn thành hạ tầng mạng truyền dẫn liên tỉnh và nội tỉnh; Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh có năng lực tính toán cao, kết nối đồng bộ, hoạt động tin cậy, ổn định, dựa trên công nghệ điện toán đám mây và kiến trúc siêu hội tụ, đạt chuẩn tối thiểu Tier 3; Đầu tư nâng cấp các công trình hạ tầng

kỹ thuật ngầm, ngầm hóa hạ tầng ngoại vi; Xây dựng các nền tảng, hệ thống dữ liệu dùng chung, dữ liệu chuyên ngành, các chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp phục vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

2. Hạ tầng xã hội

2.1 Hạ tầng giáo dục, đào tạo

Tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng trường học, tăng cường cơ sở vật chất ở các cấp học, đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành giáo dục giai đoạn 2021 – 2030. Đến năm 2030, mạng lưới trường lớp toàn tỉnh dự kiến có 479 trường học, trong đó 143 trường mầm non, 190 trường tiểu học, 104 trường trung học cơ sở và 30 trường trung học phổ thông, 10 trung tâm giáo dục thường xuyên, 1 trường dân tộc nội trú và 1 trường đại học/cao đẳng. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, ưu tiên bổ sung, xây mới loại hình trường tư thục, đặc biệt cho bậc mầm non để cải thiện tỷ lệ trẻ ra lớp.

2.2 Hạ tầng giáo dục nghề nghiệp và bảo trợ xã hội

Đến năm 2030, toàn tỉnh có 04 trường cao đẳng, trung cấp, 03 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tại các huyện, thị xã, thành phố sau khi thực hiện sáp nhập, 03 cơ sở khác có tham gia đào tạo nghề, tập huấn và chuyển giao công nghệ. Tích cực khuyến khích, tạo điều kiện cho sự phát triển của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư nhân.

Nghiên cứu thu hút, thành lập phân hiệu, cơ sở đào tạo từ xa của các trường đại học trong khu vực. Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp trong khu vực để đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu phát triển sản phẩm, thu hút sinh viên và nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao trong khu vực.

Duy trì 02 cơ sở công lập là Trung tâm Bảo trợ xã hội Tây Ninh và Trung tâm Nuôi dạy trẻ khiếm thị Tây Ninh. Đồng thời, tiếp tục tạo điều kiện huy động xã hội hóa cung cấp các dịch vụ bảo trợ xã hội trên địa bàn theo quy định. Triển khai giai đoạn 2 và 3 của Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tây Ninh. Hoàn thiện và đưa vào sử dụng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Tây Ninh.

2.3 Hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe

Tiếp tục duy trì và phát triển các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế dự phòng, lĩnh vực kiểm nghiệm, lĩnh vực Pháp y, lĩnh vực Giám định Y khoa, lĩnh vực đào tạo.

Đến năm 2030, hệ thống y tế công lập tỉnh Tây Ninh có 05 bệnh viện cấp tỉnh, 09 Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố, 94 trạm y tế xã, phường, thị trấn. Thu hút đầu tư xây dựng trung tâm tiêm chủng, bệnh viện tư nhân, khu dịch vụ chất lượng cao tại các Trung tâm Y tế, xây dựng phòng khám đa khoa khu vực tại một số khu công nghiệp; đề xuất nâng cấp Bệnh xá Công An tỉnh.

2.4 Hạ tầng văn hóa, thể thao

Duy trì, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích đã được xếp hạng cùng các công trình văn hóa hiện hữu. Đầu tư xây dựng công trình trọng điểm khu Văn hoá nghệ thuật gắn với quảng trường của tỉnh.

Tiếp tục duy trì, sử dụng các công trình thể dục, thể thao hiện có. Đầu tư xây dựng khu Liên hợp thể thao của tỉnh gắn với khu vực quy hoạch khu đô thị thể thao.

Đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa cấp huyện, cấp xã đáp ứng nhu cầu hưởng thụ đời sống tinh thần cho người dân.

2.5 Hạ tầng du lịch

Phát triển kết cấu hạ tầng du lịch, cơ sở lưu trú chất lượng cao. Khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển đa dạng hóa loại hình du lịch, thương mại - dịch vụ, tăng cường trải nghiệm cho du khách và tăng thời gian lưu trú tại địa phương. Nghiên cứu phát triển hành lang dọc sông Vàm Cỏ Đông và sông Sài Gòn gắn phát triển du lịch ven sông. Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế cảnh thủy nội địa chuyên dùng, những địa bàn có điều kiện thuận lợi phát triển du lịch đường sông kết nối với vùng du lịch gắn với di tích lịch sử, hệ sinh thái phía Bắc. Phát triển một số sân Golf ở những nơi có điều kiện.

2.6 Hạ tầng thương mại

Quy hoạch đồng bộ hệ thống kho bãi tập kết hàng hóa xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu phục vụ nhu cầu giao thương hàng hóa qua biên giới. Quy hoạch 01 chợ đầu mối tại Dương Minh Châu phục vụ thu mua, phân phối hàng nông sản gắn với nguồn nguyên liệu được vận chuyển trao đổi hàng hóa với Vùng Tây Nguyên, Bình Dương và Bình Phước; 01 chợ đầu mối tại Gò Dầu để chuyên nghiệp hóa khâu phân phối hàng hóa tiêu dùng lan tỏa toàn tỉnh, và cung ứng các nguyên vật liệu phục vụ sản xuất cho các khu công nghiệp.

Nâng cấp, cải tạo và xây mới hệ thống chợ truyền thống; phát triển cửa hàng tiện lợi và cửa hàng chuyên doanh theo cơ chế thị trường và dần tiêu chuẩn hóa các cửa hàng theo hướng chuyên nghiệp hóa phục vụ tiêu dùng hiện đại.

Đầu tư xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị quy mô phù hợp tại các vùng động lực, đô thị của tỉnh. Xây dựng và vận hành 01 Trung tâm hội chợ triển lãm.

Phát triển hạ tầng phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu gắn với phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, cảng cạn và trung tâm logistics quy hoạch và các trung tâm công nghiệp, đô thị, chợ đầu mối. Đến năm 2030, quy hoạch 11 kho hàng hóa thương mại.

Tiếp tục khai thác, mở rộng và nâng công suất kho xăng dầu Tây Ninh tại thị xã Hòa Thành lên 20.000 m³. Đồng thời phát triển thêm 2-3 kho xăng dầu quy mô dưới 5.000m³, phát triển mới từ 30 đến 50 cửa hàng xăng dầu; Các trạm cấp LPG sẽ được xây dựng trong các khu, cụm công nghiệp nơi doanh nghiệp sản

xuất có nhu cầu hoặc các vị trí đảm bảo an toàn theo quy định. Khuyến khích thiết kế tích hợp để có không gian sạch điện tại các trạm/cửa hàng xăng dầu.

2.7 Hạ tầng khoa học công nghệ

Đầu tư phát triển các cơ sở khoa học công nghệ gồm Khu Nghiên cứu và Đào tạo tỉnh Tây Ninh; nâng cấp Trung tâm Khoa học và Công nghệ Tây Ninh thành Trung tâm dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và đổi mới sáng tạo.

2.8 Hạ tầng phòng cháy chữa cháy

Củng cố, kiện toàn nâng cao năng lực phương tiện kỹ thuật 09 Đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an cấp huyện; quy hoạch trụ sở, doanh trại mới, phương tiện kỹ thuật ứng phó khẩn cấp cho Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ và 06 Đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ thuộc Công an cấp huyện. Vị trí cụ thể và khoanh định đất đai sẽ được xác định trong quá trình triển khai thực tế của địa phương cho phù hợp.

2.9 Hạ tầng nhà ở

Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở, khuyến khích phát triển nhà ở xã hội phù hợp khả năng chi trả cho người có thu nhập thấp và lao động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, tại các vị trí lân cận hoặc có kết nối giao thông thuận tiện với các khu công nghiệp. Việc bố trí các khu nhà ở xã hội theo quy định trên địa bàn tỉnh cần có khảo sát nhu cầu và khả năng hấp thụ nhà ở cụ thể theo từng giai đoạn.

Chú trọng phát triển nhà ở đô thị dựa trên cơ sở chỉnh trang, tái phát triển các khu vực đô thị hiện hữu được lồng ghép vào các chương trình trọng điểm của tỉnh, từ đó góp phần vào quá trình phát triển bền vững của tỉnh Tây Ninh. Phát triển nhà ở nông thôn đảm bảo phù hợp quy hoạch nông thôn mới.

VII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN

- Vùng 1: Phạm vi liên huyện phía Nam huyện Dương Minh Châu, huyện Gò Dầu, thị xã Trảng Bàng: Vùng động lực phía Nam của tỉnh, kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Vùng 2: Phía Tây huyện Dương Minh Châu, thị xã Hòa Thành, thành phố Tây Ninh và một phần phía Đông huyện Châu Thành: Vùng động lực trung tâm hành chính, văn hóa, giáo dục, y tế, du lịch, lấy dịch vụ làm chủ đạo, trong đó thành phố Tây Ninh là khu vực lõi với chức năng là trung tâm tổng hợp.

- Vùng 3: Huyện Tân Biên, huyện Tân Châu, phía Tây huyện Châu Thành: Vùng đảm bảo môi trường sinh thái và nguồn nước và quốc phòng an ninh, là vùng hậu cần quan trọng tạo động lực cho sự phát triển trong dài hạn của tỉnh.

VIII. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

- Sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành cấp xã: Phường 2, thành phố Tây Ninh; các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Bến Cầu, Châu Thành, Tân Biên, Tân

Châu, Dương Minh Châu, Gò Dầu theo quy định, sau thực hiện phân loại đô thị theo phương án quy hoạch hệ thống đô thị, khu vực nông thôn và khu chức năng.

- Phạm vi, quy mô và ranh giới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được xác định khi nghiên cứu quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện, đảm bảo phù hợp từng giai đoạn phát triển của thời kỳ quy hoạch tỉnh.

IX. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030. Đảm bảo quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xanh, bền vững, tối ưu hóa không gian phát triển; đồng thời đảm bảo khả năng chuyển đổi đất nông nghiệp theo quy định.

Sau khi Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đảm bảo tuân thủ, đồng bộ với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai.

Sau khi Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh theo quy định, rà soát, điều chỉnh, cập nhật phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trên cơ sở phương án phân bổ theo nhu cầu phát triển đã xác định.

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC

1. Phân vùng bảo vệ môi trường

Phân vùng bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh theo 03 vùng:

Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Gồm các khu dân cư tập trung ở đô thị (khu vực nội thành, nội thị) của các đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh, bao gồm: các phường thuộc thành phố Tây Ninh (đô thị loại II), các phường thuộc thị xã Hòa Thành và thị xã Trảng Bàng (Đô thị loại III); Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt: vùng nước mặt cần bảo vệ Hồ Dầu Tiếng; Các khu bảo tồn, cũng là di sản thiên nhiên theo khoản 1 Điều 20 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát (huyện Tân Biên); Các Khu bảo vệ cảnh quan gồm: Núi Bà Đen (Thành phố Tây Ninh và huyện Dương Minh Châu), Căn cứ Đồng Rùm (Xã Tân Thành, huyện Tân Châu), Căn cứ huyện ủy Châu Thành (huyện Châu Thành); các di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia đã được công nhận.

Vùng hạn chế phát thải: Các vùng đệm của các khu bảo tồn: Vườn quốc gia Lò Gò Xa Mát, Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen; Vùng đất ngập nước quan trọng hồ Dầu Tiếng; Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; Khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị được quy hoạch loại IV và V; Rừng phòng hộ Dầu Tiếng; Khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Vùng bảo vệ khác: Bao gồm các khu vực còn lại, trong đó đáng chú ý là các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các làng nghề có khả năng gây ô nhiễm cao.

2. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng; Nâng cao hiệu quả bảo tồn các loài hoang dã, đặc biệt các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư; duy trì bảo tồn và phát triển nguồn gen; sử dụng bền vững đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái.

Tổ chức quản lý, vận hành hiệu quả khu bảo tồn Vườn Quốc gia Lò Gò Xa Mát, các khu bảo vệ cảnh quan gồm Khu bảo vệ cảnh quan Núi Bà Đen, các khu bảo vệ cảnh quan Căn cứ Đồng Rùm và Căn cứ huyện ủy Châu Thành và các khu di tích lịch sử nằm trong quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia.

Tăng cường hợp tác nghiên cứu đa dạng sinh học, trao đổi kinh nghiệm bảo tồn trong hệ thống các Vườn di sản ASEAN; Phát triển du lịch sinh thái hài hòa với bảo vệ môi trường, lựa chọn các loại hình, quy mô du lịch hợp lý.

3. Quan trắc chất lượng môi trường

Phát triển mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường gồm 172 điểm quan trắc trong đó có 58 điểm quan trắc nước mặt (8 trạm quan trắc tự động liên tục), 51 điểm quan trắc nước dưới đất, 36 điểm quan trắc không khí (2 trạm quan trắc tự động liên tục), 20 điểm quan trắc môi trường đất, 07 điểm quan trắc thủy sinh và trầm tích. Tùy theo tình hình phát triển các khu công nghiệp và đô thị, bổ sung từ 1-3 điểm quan trắc chất lượng nước mặt để đánh giá chất lượng nước bị tác động bởi nước thải sau xử lý của khu công nghiệp, khu đô thị.

4. Phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

- Duy trì ổn định và bảo vệ diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. Tiếp tục thực hiện rà soát, trồng rừng trên các diện tích quy hoạch trồng rừng, thực hiện khoanh nuôi tái sinh trên các diện tích có cây tái sinh.

- Duy trì ổn định và bảo vệ diện tích và sử dụng có hiệu quả rừng sản xuất. Thực hiện giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp.

5. Phương án phân bổ không gian các khu nghĩa trang

Nghĩa trang cấp tỉnh: Nâng cấp, hoàn thiện Nghĩa trang tập trung liên đô thị Trường Hòa với đầy đủ các hạng mục như nhà hỏa táng, nhà tưởng niệm, nhà lưu cốt, tượng đài... tại xã Trường Hòa, thị xã Hòa Thành phục vụ cho thành phố Tây Ninh, thị xã Hòa Thành và thị trấn Chà Lã, huyện Dương Minh Châu trong tương lai; Duy trì nghĩa trang Cục Lạc Thái Bình, Xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, phục vụ người dân theo đạo Cao Đài, khoanh vùng không mở rộng và cải tạo nâng cấp thành nghĩa trang công viên.

Nghĩa trang cấp huyện, xã: Dự kiến xây dựng mới 08 nghĩa trang vùng huyện, liên đô thị cho các huyện chưa có nghĩa trang cấp huyện, trong đó: huyện Tân Biên 01 công trình, huyện Tân Châu 03 công trình, huyện Châu Thành 2 công trình, huyện Gò Dầu 01 công trình, thị xã Trảng Bàng 01 công trình. Quy hoạch nghĩa trang tập trung cấp xã đã xác định trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đảm bảo theo tiêu chí quy hoạch nông thôn mới, mỗi xã xây dựng 01 nghĩa trang tập trung phục vụ cho người dân.

Đến năm 2030 có 6 cơ sở hỏa táng, 11 nhà tang lễ tại các đô thị, khu đô thị trên địa bàn tỉnh.

XI. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN

1. Khu vực thăm dò khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản

Khoanh định 185 khu vực khoáng sản trên địa bàn tỉnh, tổng diện tích quy hoạch 5.522,11 ha. Trong đó: 3 khu vực đá xây dựng, 39 khu vực cát xây dựng, 9 khu vực khoáng sản đất sét làm gạch ngói, 126 khu vực vật liệu san lấp, 5 khu vực khoáng sản than bùn, 3 khu vực khoáng sản cuội sỏi.

Giai đoạn 2021 - 2025: Tiếp tục thăm dò và khai thác các điểm mỏ được điều chỉnh trong kỳ quy hoạch trước, đồng thời xem xét, rà soát, cấp mới khai thác các khu vực chưa được cấp phép.

Nghiên cứu lập đề án khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó bao gồm việc rà soát điều chỉnh, tiếp tục thăm dò, khai thác các điểm khoáng sản chưa thực hiện xong trong giai đoạn 2021 -2025, đồng thời bổ sung thăm dò, khai thác và chế biến các điểm mỏ khoáng sản theo hướng tập trung, quy mô lớn đưa vào các giai đoạn đến năm 2030 phù hợp để đảm bảo nhu cầu sử dụng cung ứng vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, ưu tiên khu vực phát triển phía Nam nơi tập trung các dự án giao thông kết nối liên vùng, các khu công nghiệp và khu đô thị.

2. Khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản

Khoanh định 3.824 khu vực cấm và 756 điểm cấm hoạt động khoáng sản; 87 khu vực tạm cấm hoạt động khoáng sản thuộc 08 đối tượng là: di tích lịch sử-văn hóa, rừng phòng hộ và đặc dụng, quốc phòng, an ninh, tôn giáo-tín ngưỡng, thông tin và truyền thông, đất cho công nghiệp. Định kỳ rà soát, điều chỉnh các khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khai thác khoáng sản để phù hợp với thực tiễn và các quy định hiện hành. Việc thăm dò, khai thác khoáng sản trong khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khai thác khoáng sản phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của Luật khoáng sản

XII. PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC, PHÒNG CHỐNG KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TÁC HẠI DO NƯỚC GÂY RA

Trên cơ sở chia sẻ, phân bổ hài hòa, hợp lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh cho các ngành dùng nước, nhất là với thứ tự ưu tiên cho sinh hoạt,

công nghiệp và nông nghiệp; hạn chế đến mức thấp nhất các mâu thuẫn xung đột trong sử dụng nước của các ngành, các đối tượng dùng nước. Thứ tự phân bổ trong trường hợp hạn hán, thiếu nước như sau: (1) Cấp nước sinh hoạt; (2) Cấp nước sản xuất công nghiệp; (3) Cấp nước phát triển du lịch, dịch vụ; (4) Cấp nước phát triển nông nghiệp; (5) Đảm bảo dòng chảy tối thiểu.

Tăng cường công tác giám sát chất lượng nước; triển khai cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; quản lý, bảo vệ và tăng cường trồng rừng, đặc biệt rừng phòng hộ đầu nguồn Hồ chứa nước Dầu Tiếng; thực hiện khoanh định, phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và các biện pháp hạn chế khai thác và phòng ngừa, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước dưới đất.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển hệ thống công trình thủy lợi theo phương án phát triển hạ tầng thủy lợi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Tăng cường công tác dự báo, cảnh báo lũ để chủ động trong công tác phòng tránh. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống thiên tai, hậu quả do nước gây ra. Quản lý chặt chẽ tình hình khai thác cát trên sông Vàm Cỏ Đông và sông Sài Gòn nhằm hạn chế nguy cơ sạt lở. Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, tăng cường công tác điều tra cơ bản phục vụ quản lý bền vững các nguồn tài nguyên nước kết hợp với bảo vệ chủ quyền quốc gia nhất là ở khu vực biên giới. Hợp tác chặt chẽ với Cam-pu-chia khai thác và sử dụng hiệu quả hơn nguồn nước các sông biên giới, kịp thời ngăn chặn, xử lý các vấn đề về ô nhiễm xuyên biên giới

XIII. PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phân vùng rủi ro thiên tai

- Vùng lũ và ngập nước: 2 vùng lũ gồm (1) Vùng phía Bắc (bao gồm cả thượng lưu Hồ chứa nước Dầu Tiếng) và phần trên của sông Vàm Cỏ Đông (từ rạch Tây Ninh trở lên); (2) Vùng hạ lưu rạch Tây Ninh trở xuống và hạ lưu Hồ chứa nước Dầu Tiếng. Các huyện thường xuyên chịu ảnh hưởng do ngập gồm: Châu Thành, Hòa Thành, Bến Cầu, Gò Dầu và thị xã Trảng Bàng.

- Vùng chịu ảnh hưởng của hạn hán và xâm ngập mặn: có 15 xã thuộc 05 huyện bị ảnh hưởng của hạn hán gồm Tân Biên, Tân Châu, Dương Minh Châu, Châu Thành chủ yếu vào mùa khô từ tháng 4 đến tháng 7; 02 xã thuộc thị xã Trảng Bàng bị ảnh hưởng bởi xâm ngập mặn.

- Vùng chịu ảnh hưởng của sạt lở bờ sông: Khu vực sông Sài Gòn đoạn tiếp giáp giữa Thị xã Trảng Bàng và huyện Dầu Tiếng tỉnh Bình Dương.

2. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Đầu tư, nâng cao năng lực, khả năng chống chịu của kết cấu hạ tầng, củng cố, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi, nâng cao khả năng tiêu thoát nước; Tăng cường thông tin, truyền thông, đào tạo và hợp tác về phòng, chống rủi ro, thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các

thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến trong quan trắc, theo dõi, giám sát, chỉ đạo điều hành và ứng phó thiên tai.

Đến năm 2030, giảm 8% tổng lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường. Đến năm 2050, giảm 25% tổng lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường nếu nhận được sự hỗ trợ của quốc tế, chủ động công tác điều tra, kiểm kê và thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

XIV. DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để ưu tiên để đầu tư và thu hút đầu tư phù hợp với vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ (*Kèm theo Danh mục chương trình, dự án trọng điểm mang tính động lực phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030*).

Căn cứ vào Quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch chuyên ngành của địa phương, căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư từng thời kỳ, của từng địa phương sẽ điều chỉnh, bổ sung danh mục trọng điểm ưu tiên đầu tư cho phù hợp.

XV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Nghiên cứu xây dựng danh mục các công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP cho từng giai đoạn để thu hút nhà đầu tư, coi đây là giải pháp đột phá để hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hướng tới mục tiêu xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Các dự án PPP phải được nghiên cứu, chuẩn bị kỹ lưỡng; công tác chuẩn bị hồ sơ và công việc sơ bộ cần được ưu tiên và tập trung thực hiện trước khi bắt đầu các cuộc thảo luận PPP với các nhà đầu tư tiềm năng. Ưu tiên thu hút các doanh nghiệp, đối tác ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, hệ thống quản lý hiện đại, các tập đoàn đa quốc gia (TNCs) hàng đầu thế giới; các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) đến từ các nền kinh tế phát triển.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, tạo lợi thế trong việc thu hút nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư, thu hút làn sóng đầu tư mới có chất lượng nhằm phát triển công nghiệp, dịch vụ, chế biến nông sản mà tỉnh có lợi thế cạnh tranh. Tăng cường xúc tiến đầu tư thông qua các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn. Thực hiện tốt Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm.

Triển khai có hiệu quả các chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh. Tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, các khu dịch vụ phục vụ công nghiệp... theo quy hoạch

được duyệt. Chuẩn bị tốt nhất, tạo điều kiện thuận lợi nhất để thu hút các nhà đầu tư vào địa bàn tỉnh, như chuẩn bị địa điểm, phối hợp thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư, đào tạo nguồn nhân lực...

Sử dụng nguồn vốn đầu tư công hiệu quả, đóng vai trò hỗ trợ, dẫn dắt để thu hút tối đa nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác; tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; tập trung đầu tư, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng giao thông trọng tâm, trọng điểm có tính lan tỏa và kết nối, liên kết vùng. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án; có chế tài xử lý các dự án chậm triển khai thực hiện.

Ưu tiên nguồn vốn ngân sách tỉnh, đồng thời tích cực hợp tác với các Bộ, ngành Trung ương để tranh thủ tối đa các nguồn vốn Trung ương, vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Xây dựng các cơ chế, chính sách huy động nguồn thu để huy động các nguồn vốn đa dạng như: nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp, kiều hối và kêu gọi đóng góp đầu tư của người dân Tây Ninh xa quê và các nguồn khác.

2. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao chất lượng công tác dự báo về cung cầu lao động, năng lực đào tạo cho các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh. Huy động đa dạng và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đào tạo, dạy nghề. Tăng cường hợp tác liên kết trong đào tạo, gắn đào tạo với sử dụng nguồn nhân lực. Đảm bảo công khai, minh bạch trong tuyển dụng nhân lực; sử dụng hiệu quả nhân lực hiện có và thu hút nhân tài.

Đẩy mạnh xã hội hoá công tác đào tạo, khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển đào tạo, dạy nghề; áp dụng mô hình đào tạo theo cơ chế chia sẻ kinh phí đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp.

3. Nhóm giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

Thường xuyên rà soát, hoàn thiện, bổ sung các quy định, chính sách cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao nhận thức cộng đồng và vấn đề xã hội hóa trong bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật gây ô nhiễm môi trường.

Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí của khoa học công nghệ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh. Tăng cường, nâng tỷ lệ vốn đầu tư cho nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ. Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia triển khai thực hiện dự án đổi mới khoa học công nghệ.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Tiếp tục nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút thêm các nguồn lực cho phát triển, đặc biệt là cơ chế, chính sách cho vùng

động lực, hỗ trợ đầu tư kết nối hạ tầng liên vùng, liên huyện, hạ tầng khu công nghiệp và cụm công nghiệp, khuyến khích phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao, thu hút nhà đầu tư vào đầu tư khu, điểm du lịch, khu sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác liên Vùng, mở rộng hợp tác quốc tế với các địa phương lân cận của Vương quốc Cam-pu-chia, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong tỉnh tiếp tục duy trì và thâm nhập các thị trường truyền thống như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Liên minh châu Âu (EU), ... đồng thời, hướng tới những thị trường mới như Nam Mỹ, Châu Phi.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Đổi mới tư duy và nâng cao chất lượng lập và quản lý quy hoạch xây dựng, trong đó cần phải xác định quy hoạch là một quá trình liên tục, thông suốt quản lý từ bước lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đến triển khai thực hiện. Kịp thời công bố, công khai quy hoạch, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch. Tập trung quản lý quy hoạch, kiến trúc đi vào chiều sâu, hướng tới xây dựng các đô thị xanh, thành phố thông minh.

Kiểm soát chặt chẽ nguồn lực quỹ đất thông qua đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất mang tính tích hợp. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế, xã hội thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất. Tiếp tục hoàn thiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất, phát triển lành mạnh thị trường bất động sản, có cơ chế kiểm soát chặt chẽ, khắc phục tình trạng đầu cơ đất đai.

6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Phổ biến và vận động nhân dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện quy hoạch. Triển khai xây dựng kế hoạch hành động và thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hàng năm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quản lý thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch được phê duyệt.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 22 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Tâm

PHỤ LỤC

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM MANG TÍNH ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2021-2030

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 117 /NQ-HĐND ngày 02/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



STT	DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN
1	Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài
2	Khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát
3	Khu công nghiệp Thạnh Đức
4	Khu công nghiệp Bến Củi
5	Khu công nghiệp Hiệp Thạnh
6	Khu công nghiệp Hưng Thuận
7	Khu công nghiệp Thành Thành Công mở rộng
8	Hạ tầng cửa khẩu quốc tế Tân Nam
9	Hạ tầng cửa khẩu chính Phước Tân
10	Đường liên tuyến kết nối vùng N8-787B-789
11	Đường Trường Chinh mở rộng
12	Đường kết nối đến cửa khẩu quốc tế Tân Nam (ĐT.791)
13	Đường và cầu kết nối từ ĐT.789 (Tây Ninh) đến ĐT.744 (Bình Dương)
14	Hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ Bình Dương - Tây Ninh (tuyến đường sắt Bàu Bàng - Mộc Bài; tuyến đường Bến Củi - Đất Sét - Trà Vở - Mộc Bài)
15	Đường và cầu kết nối Tây Ninh - Bình Phước
16	Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài
17	Đường cao tốc Gò Dầu - Xa Mát
18	Dự án Điện mặt trời Dầu Tiếng 5
19	Khu đô thị, sân golf, cảng hàng không, sân bay Tây Ninh
20	Khu đô thị Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh
21	Khu đô thị phục vụ Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen
22	Các khu đô thị phụ cận Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen, phía Nam đường ĐT.790
23	Các khu đô thị mới, thương mại, dịch vụ tại phường 1, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh
24	Các khu đô thị mới, kết hợp chức năng thể thao, sân golf, sinh thái, nghỉ dưỡng tại Tân Bình, Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh và Bến Sắn huyện Gò Dầu.

STT	DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN
25	Các khu đô thị thương mại, dịch vụ theo quy hoạch chung và quy hoạch phân khu thuộc thành phố Tây Ninh, thị xã Hòa Thành, thị xã Trảng Bàng và huyện Gò Dầu
26	Khu đô thị, thương mại, dịch vụ, y tế, giáo dục, tái định cư Bà Năng
27	Dự án Tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông giai đoạn 2
28	Các dự án nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao
29	Các trung tâm thương mại tại thành phố Tây Ninh, thị xã Hòa Thành, thị xã Trảng Bàng
30	Dự án không gian mở vui chơi giải trí trung tâm thành phố Tây Ninh (tại khu vực sân bóng đá tỉnh cũ)
31	Khu phức hợp văn hóa, thể thao, quảng trường trung tâm
32	Trung tâm hội chợ triển lãm tỉnh Tây Ninh
33	Trung tâm logistics cửa khẩu Mộc Bài
34	Trung tâm logistics Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng
35	Dự án sản xuất, chế biến sản phẩm trang trí nội thất Trảng Bàng
36	Dự án chế biến gỗ công nghiệp xuất khẩu Tân Châu
37	Xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh
38	Bệnh viện Sản Nhi Tây Ninh
39	Đề án xây dựng đô thị thông minh và chuyển đổi số
40	Đề án xây dựng hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh
41	Đề án xây dựng nền tảng bản đồ số dùng chung
42	Khu tham quan chuyên đề, nghỉ dưỡng trên đỉnh núi Bà Đen
43	Các dự án thực hiện quy hoạch chung phát triển Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen theo Quyết định 1099/QĐ-TTg, ngày 05/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ
44	Tu bổ Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Trung ương Cục miền Nam; phát triển Khu du lịch sinh thái về nguồn gắn với quần thể di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Trung ương Cục miền Nam
45	Khu du lịch - thương mại - dịch vụ Đảo Nhím, Hồ Dầu Tiếng
46	Khu du lịch sinh thái tại Tiểu khu 63 và vùng đất bán ngập xung quanh thuộc xã Suối Đá

